CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Cao su Bến Thành

Ngày 28/06/2024	14,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.8%	**6.8%**	**29.6%**

DT thuần
Q2/24
104
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 30.5| 40.9%
YoY: ▲ 25.2| 31.4%

LN thuần
Q2/24
7.04
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.73| 32.6%
YoY: ▲ 3.15| 81.0%

LN sau thuế
Q2/24
5.58
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.22| 28.0%
YoY: ▲ 2.40| 75.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
7.4%
YoY: +/-▼ 0.6%

ROE (TTM)
Q2/24
11.0%
YoY: +/-▲ 1.5%

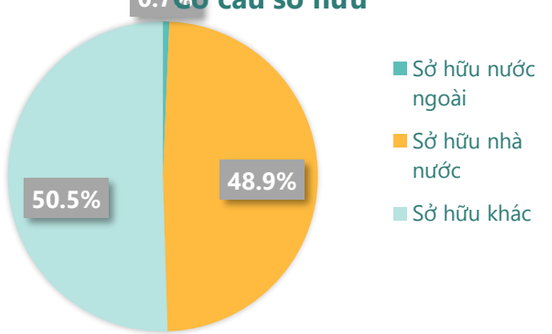
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	11,100 - 14,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	184
Số lượng CPLH (CP)	12,374,997
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,780
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	0.37
EPS	1,769
P/E	8.4

DT thuần
6T 2024
177
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 30.0| 20.5%

LN thuần
6T 2024
12.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.13| 33.3%

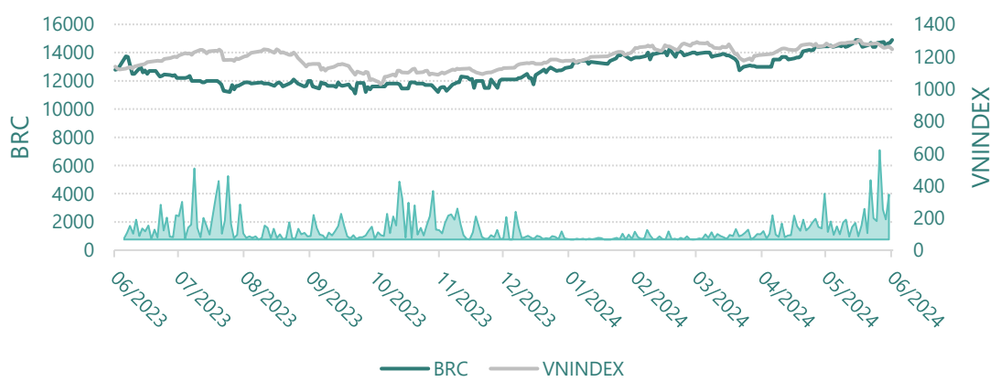
LN sau thuế
6T 2024
9.95
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.50| 33.6%

Cơ cấu sở hữu

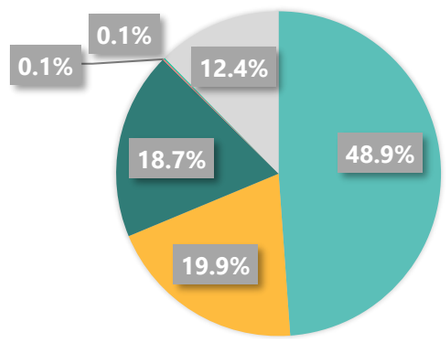


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

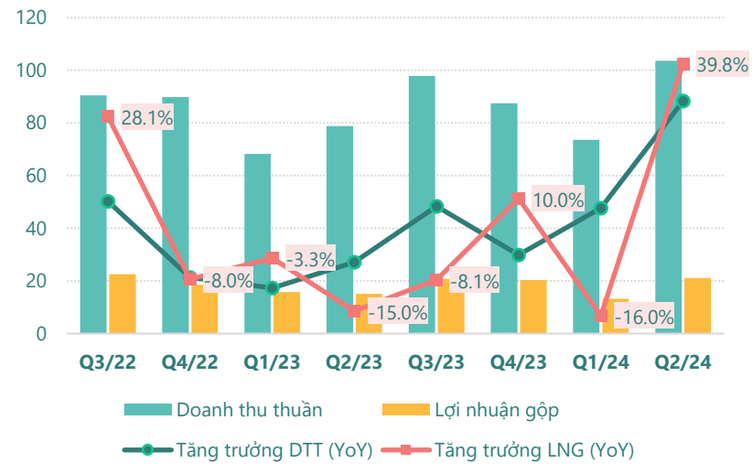


Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV
CTCP Xi Măng Vicem Hà Tiên
Nguyễn Trần Nghiêm Vũ (Tổng giám đốc)
Huỳnh Ngọc Sơn (Kế toán trưởng)
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

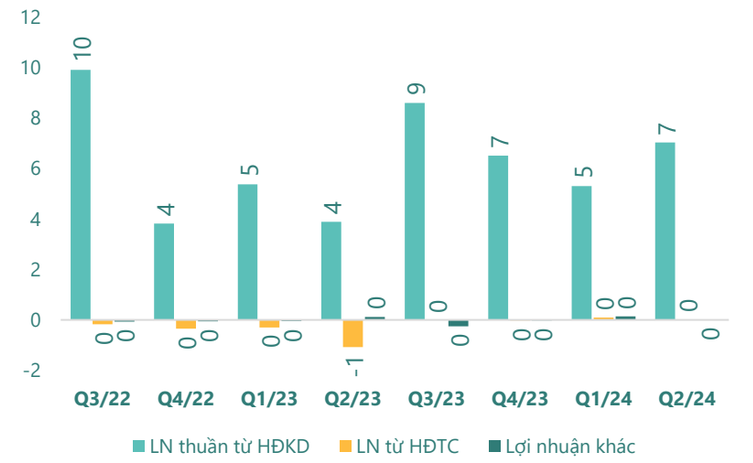
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



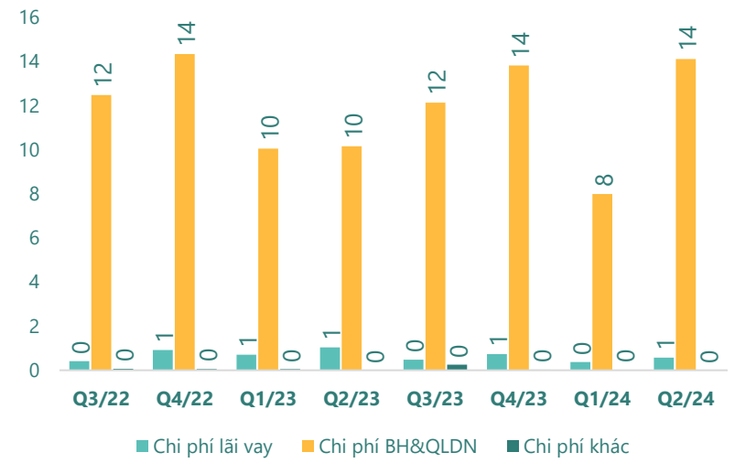
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



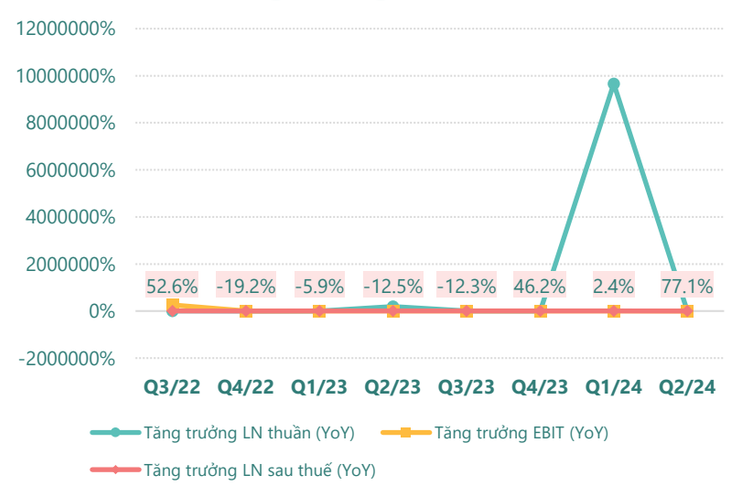
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



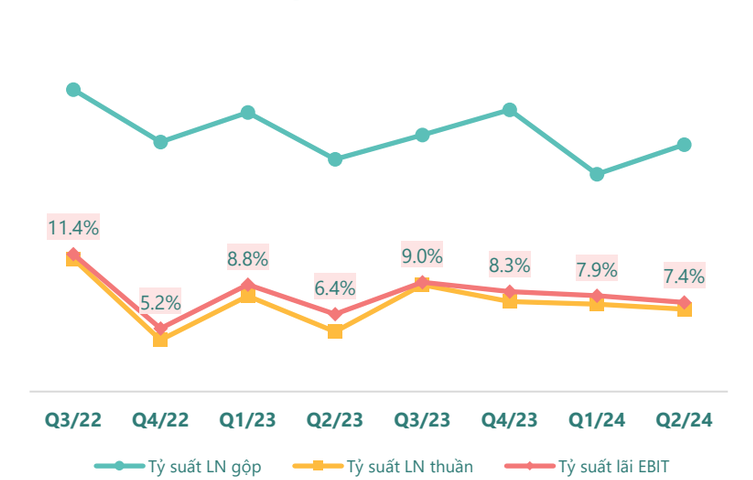
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



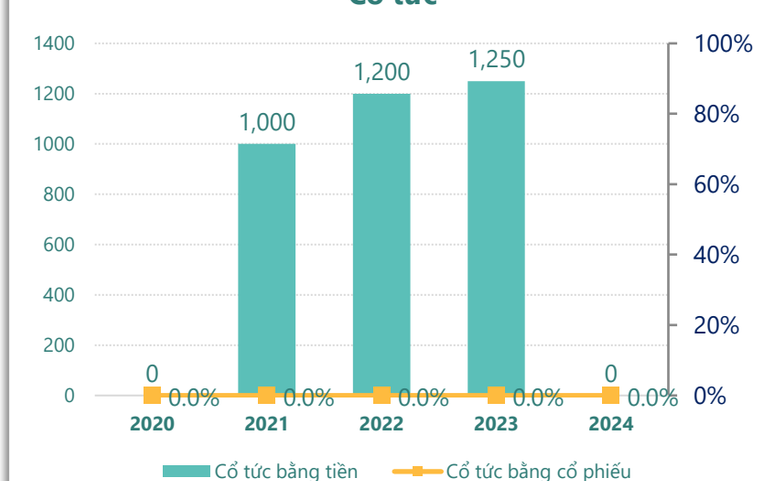
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

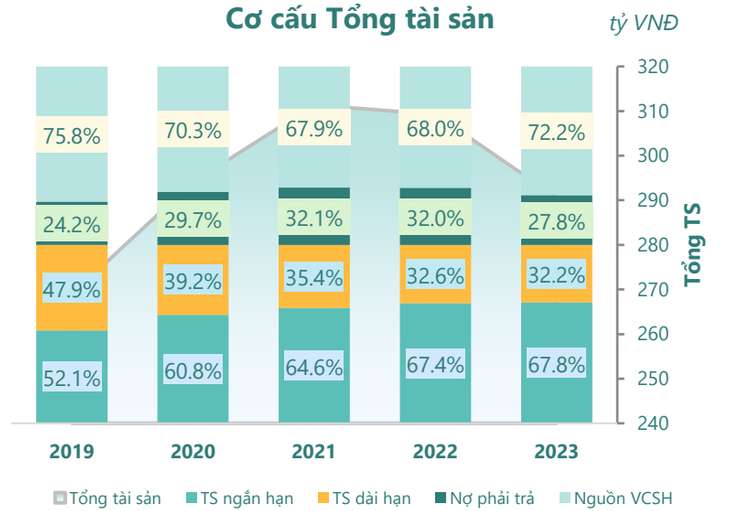
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

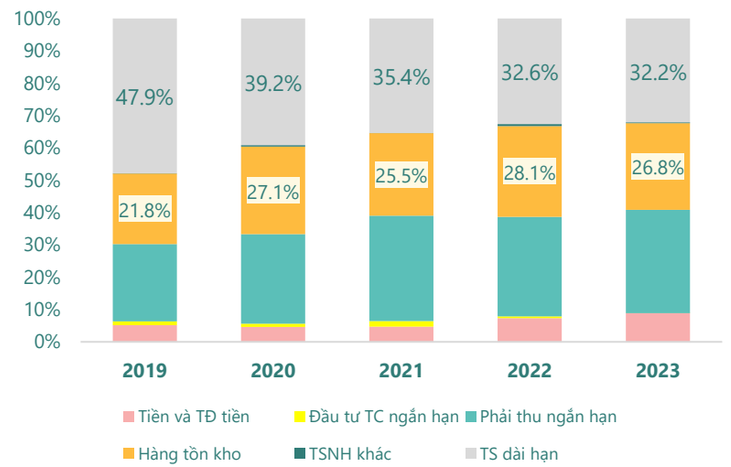
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



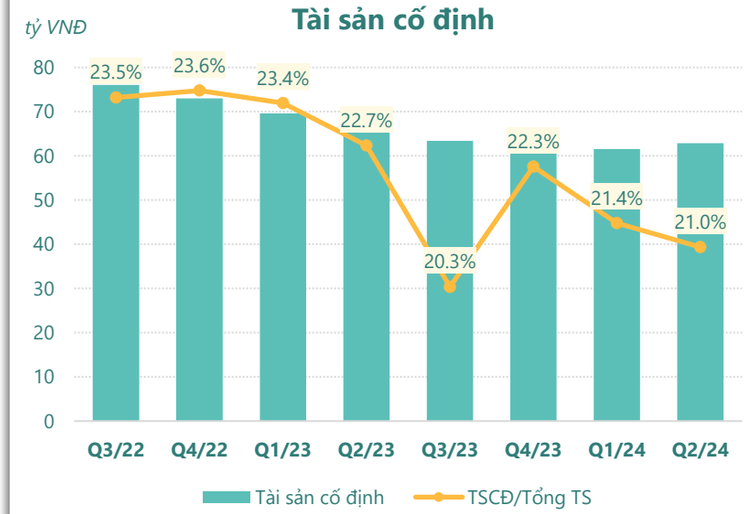
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



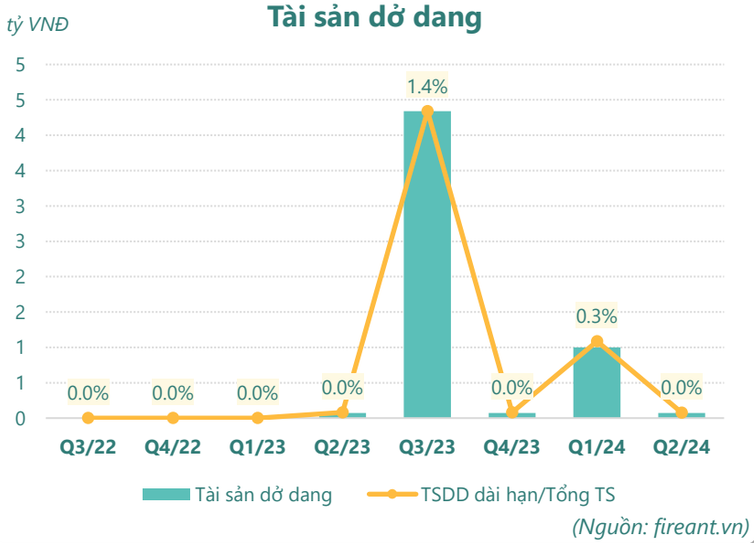
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



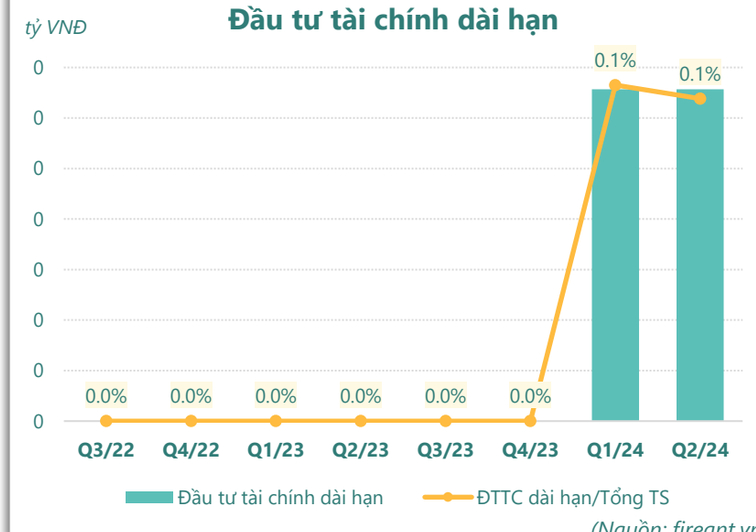
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



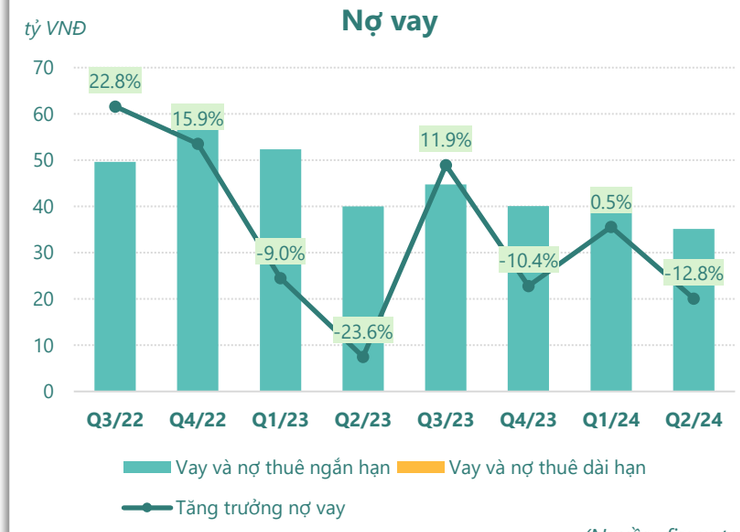
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

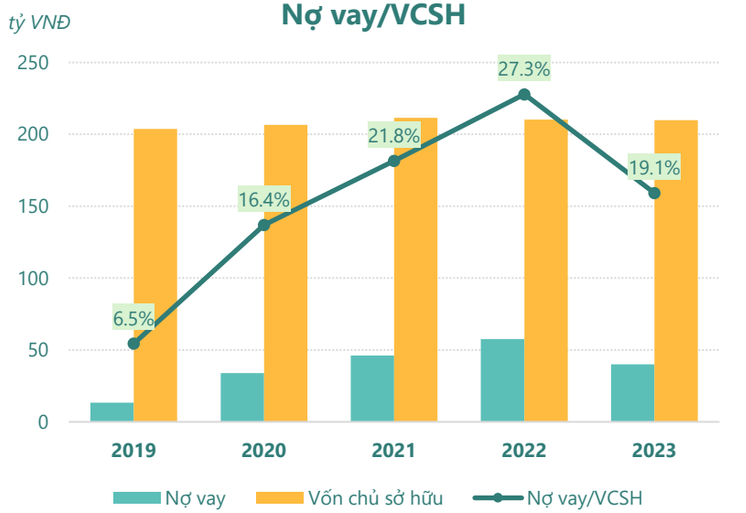
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

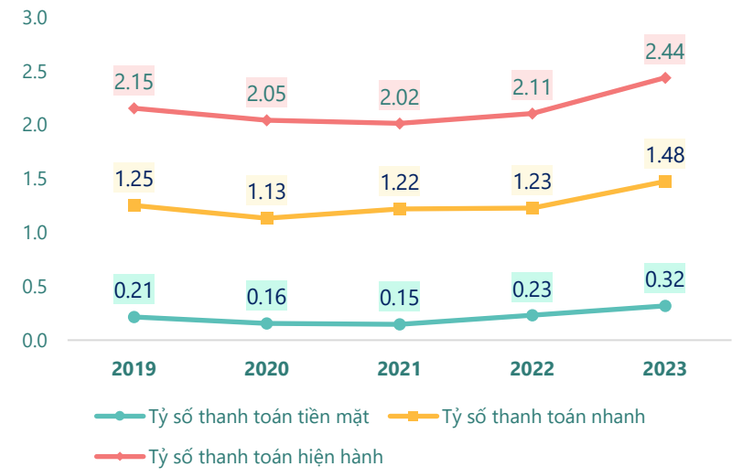
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



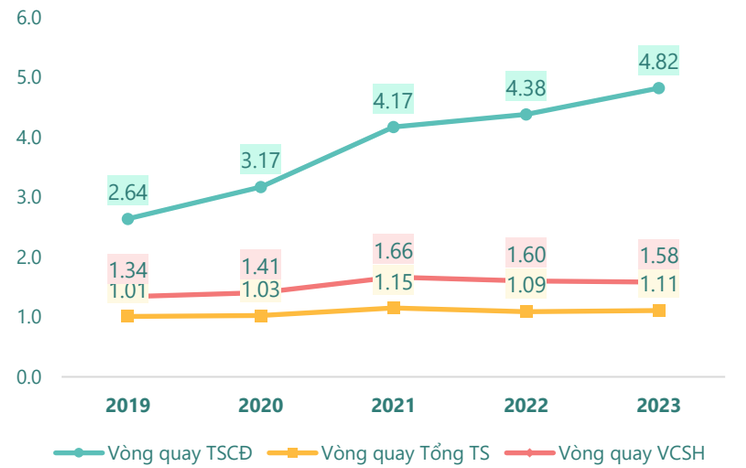
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



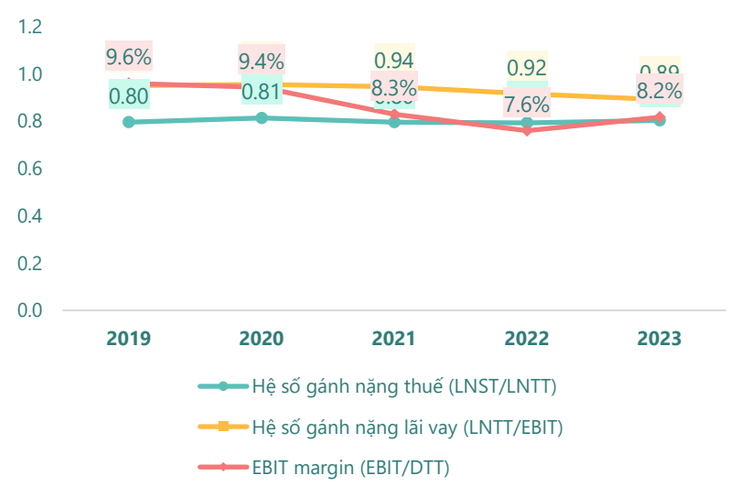
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



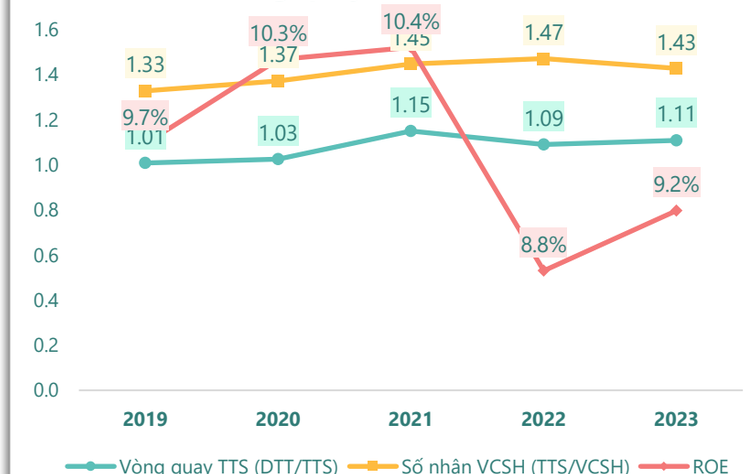
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



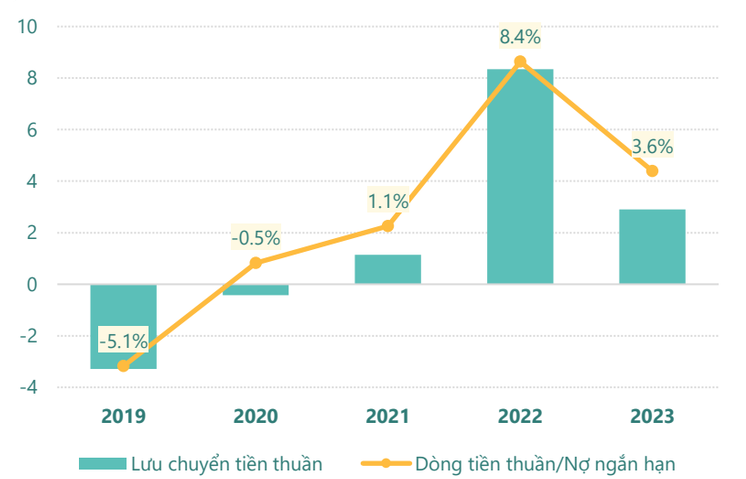
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**104**	**78.8**	**31.4%**	**177**	**147**	**20.5%**
Giá vốn hàng bán	82.4	63.6	29.6%	143	116	23.0%
Lợi nhuận gộp	21.1	15.1	40.0%	34.4	30.9	11.3%
Doanh thu HĐTC	0.74	0.26	186%	1.32	0.74	79.0%
Chi phí TC	0.73	1.35	-46.2%	1.21	2.12	-42.8%
Chi phí lãi vay	0.58	1.03	-43.8%	0.96	1.73	-44.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	11.7	8.72	34.1%	18.4	16.2	13.9%
Chi phí QLDN	**2.43**	**1.43**	**69.7%**	**3.71**	**4.06**	**-8.5%**
LN thuần từ HĐKD	7.04	3.89	81.0%	12.4	9.27	33.3%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.12**	**-100%**	**0.14**	**0.07**	**122%**
LN trước thuế	7.04	4.01	75.6%	12.5	9.34	33.9%
Lợi nhuận sau thuế	**5.58**	**3.18**	**75.5%**	**9.95**	**7.45**	**33.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**5.58**	**3.18**	**75.5%**	**9.95**	**7.45**	**33.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.87	7.17	4.15	26.2	-9.80	5.96
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.02	1.57	-4.06	-1.29	-1.08	-3.96
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-5.23	-12.6	0.73	-16.0	0.16	-5.18
Tiền đầu kỳ	22.8	19.4	15.6	16.4	25.8	15.0
Lưu chuyển tiền thuần	**-3.39**	**-3.86**	**0.82**	**8.89**	**-10.7**	**-3.18**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.01	0	0.04	0	-0.10
Tiền cuối kỳ	19.4	15.6	16.4	25.3	15.0	11.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**300**	**291**	**3.3%**
Tài sản ngắn hạn	210	197	6.3%
Tiền và tương đương tiền	11.8	25.8	-54.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.01	0.01	0.0%
Phải thu ngắn hạn	107	92.9	14.8%
Hàng tồn kho	88.8	77.9	13.9%
Tài sản ngắn hạn khác	2.43	0.53	356%
Tài sản dài hạn	**90.5**	**93.4**	**-3.2%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	62.9	64.9	-3.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.07	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.33	0.27	20.3%
Tài sản dài hạn khác	**27.2**	**28.3**	**-3.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	99.3	80.8	22.9%
Nợ ngắn hạn	**99.3**	**80.8**	**22.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	35.1	40.1	-12.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	33.4	27.5	21.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**201**	**210**	**-4.3%**
Vốn chủ sở hữu	**201**	**210**	**-4.3%**
Vốn điều lệ	124	124	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)